Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 5204.11.90

Mã HS	5204.11.90
Mô tả hàng hóa	Chỉ khâu làm từ bông, đã hoặc chưa đóng gói để bán lẻ / - Chưa đóng gói để bán lẻ: / - - Có hàm lượng bông chiếm từ 85% trở lên tính theo khối lượng: / - - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	03/11/2026 18:48:03
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/52041190/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K8050
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N8050
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q8050
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	3.5	3,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E7647
ATIGA	2022	2022	0	AT!E7600
ATIGA	2023	2023	0	AT!F7600
ATIGA	2024	2024	0	AT!G7600
ATIGA	2025	2025	0	AT!H7600
ATIGA	2026	2026	0	AT!I7600
ATIGA	2027	2027	0	AT!J7600
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E7650
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F7650

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G7650
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H7650
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I7650
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J7650
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E7651
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F7651
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G7651
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H7651
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I7651
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J7651
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F7652
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H7606
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F7614
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G7614
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H7614
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I7614
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J7614
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K7614
VKFTA	2022	2022	0	VK!E7636
VKFTA	2023	2023	0	VK!F7636
VKFTA	2024	2024	0	VK!G7636
VKFTA	2025	2025	0	VK!H7636
VKFTA	2026	2026	0	VK!I7636
VKFTA	2027	2027	0	VK!J7636
VCFTA	2022	2022	0	VC!D7682
VCFTA	2023	2023	0	VC!E7682

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F7682
VCFTA	2025	2025	0	VC!G7682
VCFTA	2026	2026	0	VC!H7682
VCFTA	2027	2027	0	VC!I7682
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D7662
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E7662
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F7662
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G7662
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H7662
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I7662
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D7675
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E7675
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F7675
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G7675
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H7675
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I7675
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D7679
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E7679
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F7679
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G7679
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H7679
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I7679
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D7680
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E7680
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F7680
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G7680

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H7680
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I7680
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D7630
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E7630
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F7630
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G7630
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H7630
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I7630
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J7630
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D7667
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E7667
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F7667
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G7667
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H7667
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I7667
RCEP B	2022	2022	0	B!D7667
RCEP B	2023	2023	0	B!E7667
RCEP B	2024	2024	0	B!F7667
RCEP B	2025	2025	0	B!G7667
RCEP B	2026	2026	0	B!H7667
RCEP B	2027	2027	0	B!I7667
RCEP C	2022	2022	0	C!D7667
RCEP C	2023	2023	0	C!E7667
RCEP C	2024	2024	0	C!F7667
RCEP C	2025	2025	0	C!G7667
RCEP C	2026	2026	0	C!H7667

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I7667
RCEP D	2022	2022	0	D!D7667
RCEP D	2023	2023	0	D!E7667
RCEP D	2024	2024	0	D!F7667
RCEP D	2025	2025	0	D!G7667
RCEP D	2026	2026	0	D!H7667
RCEP D	2027	2027	0	D!I7667
RCEP E	2022	2022	0	E!D7670
RCEP E	2023	2023	0	E!E7670
RCEP E	2024	2024	0	E!F7670
RCEP E	2025	2025	0	E!G7670
RCEP E	2026	2026	0	E!H7670
RCEP E	2027	2027	0	E!I7670
RCEP F	2022	2022	0	F!D7667
RCEP F	2023	2023	0	F!E7667
RCEP F	2024	2024	0	F!F7667
RCEP F	2025	2025	0	F!G7667
RCEP F	2026	2026	0	F!H7667
RCEP F	2027	2027	0	F!I7667
VIFTA	2024	2024	4.5	VI!F7075
VIFTA	2025	2025	4	VI!G7075
VIFTA	2026	2026	3.5	VI!H7075
VIFTA	2027	2027	3	VI!I7075

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: DM mặt hàng đã được cắt giảm kiểm tra chuyên ngành (765/QĐ-BCT ngày 29/03/2019)		765/QĐ-BCT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 5204.11 có 2 dòng thuế; dòng 5204.11.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	5204.11.10 Chưa tẩy trắng	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 5204.11.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 5204.11.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N8050), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)
DM mặt hàng đã được cắt giảm kiểm tra chuyên ngành (765/QĐ-BCT ngày 29/03/2019)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.